

Số: 49/2018/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 03 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sơn La, áp dụng đến ngày 31/12/2019 ban hành kèm theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 103/2014/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2014 của HĐND tỉnh kỳ họp thứ 9 khóa XIII về việc thông qua bảng giá các loại đất giai đoạn 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Sơn La áp dụng từ ngày 01/01/2015; Công văn số 1784/TT HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua phương án điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sơn La, áp dụng đến ngày 31/12/2019 ban hành kèm theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1042/TTr-STNMT ngày 30/11/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sơn La, áp dụng đến ngày 31/12/2019 ban hành kèm theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh Sơn La. Cụ thể như sau:

1. Bổ sung giá đất các vị trí, tuyến đường vào Bảng 7 Đất ở tại nông thôn (chi tiết có biểu số 01 kèm theo).

2. Điều chỉnh tên một số tuyến đường trong Bảng 7 Đất ở tại nông thôn (chi tiết có biểu số 02 kèm theo).

3. Bổ sung giá đất các vị trí, tuyến đường vào Bảng 10 Đất ở tại đô thị (chi tiết có biểu số 03 kèm theo).

4. Điều chỉnh tên một số tuyến đường trong Bảng 10 Đất ở tại đô thị (chi tiết có biểu số 04 kèm theo).

5. Bổ sung giá đất các vị trí, tuyến đường vào Bảng 10a Đất ở tại các khu đô thị mới (chi tiết có biểu số 05 kèm theo)

6. Bổ sung Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp gồm đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp (chi tiết có biểu số 13 kèm theo).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/12/2018.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh về ban hành giá đất ở đối với các thửa đất thuộc Lô số 4a, thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dọc suối Nậm La, thành phố Sơn La để làm căn cứ tính thuế khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

3. Các nội dung còn lại không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*tv*

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- TT tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh Sơn La;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT - Hiệu 35 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cầm Ngọc Minh



**BIỂU SỐ 01: BỔ SUNG GIÁ ĐẤT CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG
THUỘC BẢNG 07 - ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**

(Kèm theo Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Giá đất bổ sung				
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5
	PHẦN I. ĐẤT Ở TẠI KHU DÂN CƯ VEN ĐÔ, KHU CÔNG NGHIỆP, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH					
C	HUYỆN QUỲNH NHAI					
II	Trục đường Tỉnh lộ 107					
1	Từ ngã ba bản Bon (xã Mường Chiên) đến Ngã ba bản Huổi Kẹm (xã Chiềng Khay)	110	90	60		
III	Trục đường TL116					
1	Từ địa phận xã Chiềng Ngâm huyện Thuận Châu đến ngã ba bản Giáng xã Nậm Êt	110	90	60		
2	Từ ngã ba bản Giáng (xã Nậm Êt) - Bến phà - QL6B (-1.000m)	110	90	60		
IV	Trục đường chính cấp huyện					
1	Từ ngã ba bản Tậu (đầu nối QL279) đi xã Pá Ma Pha Khinh - Mường Chiên - Trung tâm xã Cà Nàng	110	90	60		
2	Từ ngã ba Huổi Cuối (-500m) đến Trường cấp II xã Chiềng Bằng	110	90	60		
3	Từ ngã ba bản Phiêng Ban đến địa phận xã Phông Lái huyện Thuận Châu	110	90	60		
4	Từ trụ sở xã Mường Giàng đến chợ xã Mường Giàng (giáp trường cấp I, II)	110	90	60		
5	Từ ngã ba bản Cút (đầu nối QL279) - Púng Luông - Huổi Ngà xã Mường Giôn	110	90	60		
6	Từ QL279 - Lôm Lầu - Huổi Khinh xã Chiềng Ôn	110	90	60		
7	Từ ngã ba bản Giáng đến trung tâm xã Mường Sại	110	90	60		
8	Từ ngã ba bản Giáng đến Ngã ba đi Trung tâm xã Nậm Êt (+300m) đến đường vào điểm tái định cư Huổi Pao (+500m)	110	90	60		
D	HUYỆN MAI SƠN					
XIII	Từ quốc lộ 6+40m nhà ông Tình đi bản Nà Cang xã Hát Lót	400	300	180	100	
XIV	Từ Ngã 3 Quốc lộ 6 + 40m bản Bom Cưa đi khu Công Nghiệp Mai Sơn	350	200	180	100	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Giá đất bổ sung				
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5
F	HUYỆN BẮC YÊN					
II	Tỉnh lộ 112 xã Tà Xùa					
1	Đoạn từ Công chợ đến nhà ông Trịnh Xuân Lộc theo tỉnh lộ 112 dài 400m	550	200	100		
2	Đoạn từ nhà ông Trịnh Xuân Lộc ngã ba tỉnh Lộ 112 - Háng Đồng dài 800m	440	150	90		
3	Đoạn tiếp giáp ngã ba tỉnh lộ 112 - Háng Đồng, theo tỉnh lộ 112 đi về phía xã Làng Chếu 300m	330	170	80		
4	Đoạn từ Cửa gió xã Tà Xùa đến nhà ông Phong dài 500 m	330	170	80		
5	Đoạn từ nhà ông Phong đến Cua bể nước đầu nguồn Suối Cao thuộc bản Cáo A xã Làng Chếu dài 500m	270	120	80		
6	Đoạn từ cổng Chợ đến giáp đất UBND xã Tà Xùa	440	360	240		
7	Đường bê tông từ UBND xã Tà Xùa đến nhà ông Sênh	270	130	80		
8	Đường bê tông từ nhà ông Sênh đến nhà ông San	170	120	80		
9	Đoạn từ tiếp giáp tỉnh lộ 112 (Khu xã) theo đường bê tông đến bản Tà Xùa C dài 800m	330	150	60		
10	Đoạn từ giáp đất UBND xã Tà Xùa đến đường nối 112 Tà Xùa C đường bê tông (đường vành đai)	270	130	60		
11	Đoạn từ đường 112 rẽ Khe Cải đi lên bản Tà Xùa A (đường bê tông) đến ngã ba đi về hai hướng mỗi hướng 50m	270	130	50		
12	Đoạn từ ngã ba 112 đi hướng xã Háng Đồng dài 400 m	330	170	80		
13	Đoạn từ bản Tà Xùa đi hết địa phận xã Tà Xùa theo đường Tà Xùa - Háng Đồng	250	150	80		
14	Các vị trí khác tại các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con đi được	130	100	70		
III	Xã Hồng Ngài					
1	Đoạn từ Cầu Hồng Ngài 2 đến nhà Văn Hóa bản Hồng Ngài	150	120	80		
2	Đoạn từ Cầu Hồng Ngài 2 đến ngã ba hướng đi bản Liếm Xiên dài 100 m, và hướng đi bản Mới dài 50 m	250	100	60		
3	Đoạn tiếp 100 m đi Liếm Xiên đường đất đến ngã ba dài 150 m	150	100	60		
4	Đoạn từ trung tâm trường PTDTNTBT THCS xã Hồng Ngài đi về 2 phía 200 m	150	100	80		
5	Đoạn từ mỏ đá tổ hợp 20/10 đến hết bản Mới	130	100	60		
6	Các vị trí khác tại các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con đi được	120	90	70		
IV	Xã Pắc Ngà					
1	Cổng trụ sở UBND xã Pắc Ngà	150	120	110	90	60
2	Đoạn từ cổng trụ sở UBND xã theo đường ô tô đến đường vào khu tái định cư Nong Luong theo hướng đi bản Pắc Ngà	120	110	90		
3	Đoạn từ đường vào khu tái định cư Nong Luom đến hết nhà ông Minh qua bản Pắc Ngà	140	130	120	100	

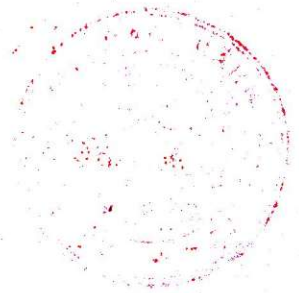
STT		Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Giá đất bổ sung				
			VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5
4		Đoạn từ bản BƯỚC đi qua khu tái định cư Nong Luom	130	110	90		
5		Đoạn từ cổng UBND xã đến hết bản BƯỚC theo đường đi Mường La - Bắc Yên	140	120	90	60	
6		Đoạn từ bản BƯỚC đến hết bản Nà Sài theo đường đi Mường La - Bắc Yên	110	90	70	50	
7		Đoạn từ trung tâm xã đến hết bản Nong Cóc theo trục đường Bắc Yên - Mường La	120	100	80	60	
8		Đoạn từ bản Nong Cóc đến hết bản Lùm Thượng A,B,C theo trục đường Bắc Yên - Mường La	110	90	70	50	
9		Các vị trí khác tại các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con đi được	100	80	60		
V		Xã Chim Vàn					
1		Từ cổng trụ sở UBND xã Chim Vàn theo đường ô tô đi 2 hướng: đi Chim Hạ, đi bản Vàn dài 200 m	180	120	80	60	
2		Dọc tuyến đường còn lại đến bản Vàn	130	110	70		
3		Đoạn từ bản Chim Hạ đến hết bản suối Tù	160	120	80	60	
4		Đoạn từ đầu bản Chim Thượng đến hết bản Nà Phán dọc theo đường bê tông	130	120	80	60	
5		Các vị trí khác tại các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con đi được	100	80	60		
VI		Xã Tạ Khoa					
1		Đoạn từ cầu tràn vào trụ sở UBND xã đi về 2 phía 200 m	140	120	100		
2		Đoạn đường từ ngã ba suối Sắt đến hết bản Nhận Nọc dọc theo tuyến đường ô tô Mường Khoa - Tạ Khoa	120	90	60		
3		Đường từ bản Co My đến hết bản Nhận công dọc theo tuyến đường ô tô Mường Khoa - Tạ Khoa	120	90	60		
5		Các vị trí khác tại các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con đi được	100	80	60		
VII		Xã Chiềng Sại					
1		Từ trước cổng trụ sở UBND xã đến hết cổng trường Mầm non	140	80	60		
2		Từ cổng trường Mầm non đến hết đất khu tái định cư Tạng Tào Suối Quốc theo đường Sập Vạt - Chiềng Sại	130	100	60		
3		Từ ngã ba đường rẽ đi bản Lái Ngải đến hết bản Co Muồng theo đường Sập Vạt - Chiềng Sại	120	80	60		
4		Đoạn từ tượng đài nghĩa trang liệt sỹ đến hết bản Mồm Bò theo đường Co Muồng - Mồm Bò	110	80	60		
5		Các vị trí khác tại các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con đi được	100	80	60		
VIII		Xã Phiêng Côn					
1		Từ trạm y tế đến cổng hợp đường đi bản Tăng	180	120	60		

STT		Giá đất bổ sung				
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5
2	Đoạn từ cổng đi bản Tăng đến hết khu xưởng ngô nhà ông Biện Hòa theo đường Sập Vạt - Chiềng Sại	130	100	60		
3	Đoạn từ nhà ông Neo đến hết kho ngô ông Đồn bản Nhảm theo đường Sập Vạt - Chiềng Sại	130	80	60		
4	Các vị trí khác tại các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con đi được	110	80	60		
IX	Xã Háng Đồng					
1	Từ cổng trụ sở UBND xã đi về hai hướng 150 m	150	80	60		
2	Đoạn đường từ bản Chung Chinh đến bản Háng Đồng B	120	80	60		
3	Các vị trí khác tại các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con đi được	90	60			
X	Xã Làng Châu					
1	Đoạn từ ngã ba đi Xím Vàng đến cách trụ ở UBND xã 200 m	130	100	60		
2	Đoạn từ Đài truyền hình đến hết trạm Khuyến nông cũ + 200 m theo tỉnh lộ 112	150	110	90		
3	Đoạn từ ngã ba đi UBND đến hết bản Cáo B theo tỉnh lộ 112	130	100	90		
4	Các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con đi được	110	90	60		
XI	Xã Xím Vàng					
1	Cổng trụ sở UBND xã đi về hướng đông theo tỉnh lộ 112 đến ngã ba đường bê tông lên Xím Vàng	150	90	60		
2	Đoạn từ trụ ở UBND xã đến hết Cửa Mang theo tỉnh lộ 112	120	90	60		
3	Các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con đi được	110	90	60		
XII	Xã Hang Chú					
1	Từ cổng trụ sở UBND xã đến nhà ông Giăng A Tủa (đường lên bản Pá Đông)	150	90	60		
2	Các bản còn lại dọc theo tỉnh lộ 112 và đường giao thông nông thôn xe con đi vào được	110	90	60		
XIII	Xã Hua Nhàn					
1	Từ giáp đất Mai Sơn đi về phía Mai Sơn theo Quốc lộ 37 dài 500 m	350	240	120	60	
2	Trung tâm xã đi hai hướng dài 200 m	200	100	60		
3	Đoạn từ đỉnh đèo Chẹn vào cách cổng trụ sở UBND xã 200 m	150	100	60		
4	Các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con đi được	100	80	60		
H	HUYỆN PHÙ YÊN					
4	Xã Quang Huy					
	Từ trạm cấp nước Phù Yên đến cầu Nà Xá.	500	150	110		

 STT Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã		Giá đất bổ sung				
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5
6	Xã Huy Bắc					
	Đường từ ngã tư trụ sở UBND xã đi bản Tọ, xã Huy Hạ đến đường rẽ vào bản Phai Làng, xã Huy Bắc	500	250	110		
I	HUYỆN SÔNG MÃ					
1	Xã Chiềng Khương					
1.1	Đường Quốc lộ 4G					
	Từ M21 QL 4G đến hết đất Đơn vị C2	450	170	110	70	60
	Đường Tuần tra biên giới, Từ M21 QL 4G đến ngã ba đường vào bản Búa	350	150	100	70	60
	Đường vào trụ sở UBND xã Chiềng Khương đến cổng trụ sở UBND xã Chiềng Khương	500	170	110	70	60
	Các đoạn đường lô bê tông có chiều rộng >3m thuộc các bản Tân Lập, Khương Tiên và bản Hưng Hà	280	90	80	70	60
	Các đoạn đường lô bê tông có chiều rộng >3m thuộc các bản Nam Tiến, Thống Nhất, bản Phụ	250	90	80	70	60
4	Xã Chiềng Khoang					
4.1	Đường Quốc lộ 4G					
	Từ Công ty TNHH Dũng Nhung đến hết đất bản Hoàng Mã	400	180	90	70	60
5	Xã Nà Nghịu					
5.9	Các tuyến đường khác					
	Từ giáp đất bề bơi (ông Chiến) đến hết đất nhà ông Anh (Hương)	250	120	90	70	60
6	Xã Huổi Một					
6.1	Đường Quốc Lộ 4G (Sông Mã - Sốp Cộp)					
7	Xã Chiềng Sơ					
7.2	"Đường 115 mới, địa phận xã Chiềng Sơ" điều chỉnh thành: " Đường Quốc lộ 12 "					
	Từ cây xăng Hoa Xuân (xã Chiềng Sơ) đến cầu Nậm Khoa, bản Công	360	170	90	70	60
	Cổng chợ Phiêng Đồn (bản Quảng Tiến) hướng đi thị trấn Sông Mã 100m, hướng đi xã Yên Hưng 100m	360	170	90	70	60
	Các bản khác còn lại	170	110	90	70	60
	PHẦN II. ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ					
A	THÀNH PHỐ SON LA					
I	Xã Chiềng Ngần					
8	Các tuyến đường thuộc xã Chiềng Ngần					
	Từ sân tập trường lái rẽ đi bản Kềm qua bản Ổ, bản Muông đến hết bản Nà Lo	250	150			
	Ngã ba chợ Phiêng Pát từ 201 m trở đi 3 hướng	200	150			
	Đường từ bản Híp sang bản Nong La, đường lên nhà máy xử lý rác thải rắn	200	150	120	100	90
	Đường từ bản híp sang hết địa phận bản Khoang	200	150	120	100	90

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Giá đất bổ sung				
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5
II	Trung tâm các xã					
3	" Từ đường Quốc lộ 6 đến hết đất của trụ sở UBND xã Chiềng Cọ; Chiềng Đen, (trừ mục 1 và mục 2 nêu trên)" điều chỉnh thành: "Từ đường Quốc lộ 6 đến hết đất của trụ sở UBND xã Chiềng Cọ; Chiềng Đen, đường đến các bản (trừ mục 1 và mục 2 nêu trên) "				90	80
III	Các bản thuộc phường có điều kiện như nông thôn					
1	"Các đường nhánh thuộc các bản: Lay, Phung, Hẹ, Thăm, Giở, Pù, Noong Đúc, Tổ 7, Quỳnh Sơn, Sảng, Pắc Ma, phường Chiềng Sinh" điều chỉnh thành: "Các đường nhánh thuộc các bản: Lay, Phung, Hẹ, Thăm, Giở, Pù, Noong Đúc, Tổ 7, Quỳnh Sơn, Sảng, Pắc Ma, Ban, Cỏ, Hay Phiêng, Mạy, Noong La, Cang, Nà Cạn phường Chiềng Sinh"				100	100
D	HUYỆN MUỜNG LA					
II	Đất trung tâm xã					
10	Tuyến đường từ bản Nhạp, Huổi Choi đến bản Léch xã Chiềng Lao	1.000	250	120		
11	Tuyến đường từ đầu bản Huổi La dọc đường 279D đến bản Huổi Pả xã Chiềng Lao (Trừ đoạn đường từ bản Nhạp, Huổi Choi đến bản Léch)	630	250	120		
12	Tuyến đường từ Nhà máy thủy điện Huổi Quảng đi hướng xã Nậm Giôn hết địa phận xã Chiềng Lao	450	200	100		
13	Từ cổng UBND xã Chiềng Công đi 2 hướng trục đường chính 500 m	200	110	60		
14	Từ cổng UBND xã Mường Trai đến Trạm y tế mới	200	150	110		
F	HUYỆN YÊN CHÂU					
I	Cụm xã Phiêng Khoài					
9	Từ HTX dịch vụ chế biến chè hướng đi Lao Khô đến chân dốc đá Trạm kiểm soát Keo Muông	300	100	60		
VI	Trung tâm xã Chiềng Pằn					
3	Từ Nhà cấp 4 ông Tạ Ngọc Tính (Bản Thông Phiêng) hướng đi bản Chiềng Phú (2 bên đường) đến hết nhà ông Hà Văn Đò (Bản Chiềng Phú)	350	250	60		
XI	Trung tâm xã Viêng Lán					
3	Từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Lửa (bản Mường Vạt) hướng đi bản Nà Và 2 (2 bên đường) đến giáp đất ông Lừ Văn Xóm	300	200	60		

 STT Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã		Giá đất bổ sung				
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5
XII	Trung tâm xã Chiềng Khoi					
	Từ ngã ba Trường THCS (Bản Pút) đi hướng Hồ Chiềng Khoi đến đập Hồ Chiềng Khoi	350	150	60		
XIII	Các tuyến đường ở nông thôn					
	Trục đường rộng từ 4m trở lên	120	100	60		
	Trục đường dưới 4m	110	90	60		
I	HUYỆN SÓP CỘP					
I	Đường trung tâm xã Sốp Cộp					
	Đường 8,5m nội bộ khu vực lô đất E1 (giáp khu nhà Ủy ban nhân dân huyện cũ)	650				
	Từ hết đất nhà bà Tòng Thị Ngời đường 4m hướng đi nhà ông Lường Văn Thiêm ra đến nhà ông Trần Văn Hiện hai bên đường	460	400	170	120	90
V	Các tuyến đường khu vực lô 57					
	Từ D20-D31 đường 11m phía bên phải đường (đối diện cổng chính chợ mới)	2.400				
	Tuyến D20' đi D81, D81' đường 9,5m (từ mét thứ 6 đến hết mét thứ 85) phía bên trái đường (đối diện cổng phụ chợ mới)	2.400				
VI	Các đoạn đường ven trung tâm xã Sốp Cộp					
	Từ mốc D8 đến hết cầu Nậm Ban phía bên trái đường	250				
	Đường từ ngã 3 Công an huyện Sốp Cộp đi Co Pồng	220	120	90	70	60
	Đường từ ngã 3 Cầu sắt Nậm Lạnh đi Co Pồng	220	120	90	70	60
	Đường từ bản Co Pồng xã Sốp Cộp đi bản Sỏm Pỏi xã Mường Và	200	100	80	70	60
VIII	Xã Mường Lạn					
	Từ cây xăng xã Mường Lạn đến đầu cầu cứng	180	120	110	80	60
IX	Xã Púng Bánh					
XI	Đường khu vực mốc D7-D8-D20-D20'-D19 (khu vực chợ cũ)					
	Đường Quy hoạch rộng 12m (từ mét thứ 16,56 nhà ông Nguyễn Huy Trung đến hết đất nhà ông Lò Văn Chiểu) hai bên đường	1.800				
	Tuyến D19 đi D20' (từ mét 17,42 hết đất nhà bà Lường Thị Nụ đến hết đất nhà ông Đào Văn Cường) phía bên trái đường	1.800				
XII	Xã Dôm Cang (theo trục đường 105)					
	Từ ngã ba đường rẽ đi bản Nà Khá đến đầu cầu cứng hai bên đường	180	130	100	90	60
	Từ cầu cứng đường vào UBND xã đến trường mầm non bản Cang hai bên đường	190	160	110	90	60
	Từ trường mầm non bản Cang đến hết đất bản Cang	170	120	100	80	60





**BIỂU SỐ 02: ĐIỀU CHỈNH TÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG
THUỘC BẢNG 7 - ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**

(Kèm theo Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên cũ theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND	Tên mới điều chỉnh lại
PHẦN I. ĐẤT Ở TẠI KHU DÂN CƯ VEN ĐÔ, KHU CÔNG NGHIỆP, ĐÀU		
C	HUYỆN QUỲNH NHAI	
I	Trục đường 279	
	Từ Bản Pom Mường 3,6 km đến hết địa phận huyện Quỳnh Nhai	Từ Bản Pom Mường đến hết địa phận huyện Quỳnh Nhai
E	HUYỆN YÊN CHÂU	
	Dọc tỉnh lộ 103 (trừ trung tâm xã, cụm xã)	Dọc quốc lộ 6C (trừ trung tâm xã, cụm xã)
I	HUYỆN SÔNG MÃ	
7	Xã Chiềng Sơ	
	Đường 115 mới, địa phận xã Chiềng Sơ	Đường Quốc lộ 12
8	Xã Yên Hưng	
	Tỉnh lộ 115	Quốc lộ 12
9	Xã Mường Lầm	
9.1	Tỉnh lộ 115	Tỉnh lộ 115 (cũ)
	Đường Quốc lộ 12	
	Từ trụ sở UBND xã đến hết địa phận đất bản Mường Tợ theo đường Quốc lộ 12 mới	Từ trụ sở UBND xã đến hết địa phận đất bản Mường Nưa theo đường Quốc lộ 12
9.2	Các bản khác còn lại (không nằm trên tuyến Tỉnh lộ 115)	Các bản khác còn lại (không nằm trên tuyến Tỉnh lộ 115 cũ và Quốc lộ 12)
10	Xã Bó Sinh	
	Các bản thuộc xã Bó Sinh trên tuyến đường 115	Các bản thuộc xã Bó Sinh trên tuyến đường Quốc lộ 12
PHẦN II. ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ		
A	THÀNH PHỐ SƠN LA	
II	Trung tâm các xã	
	Đất khu vực trung tâm cụm dân cư xã, các ngã ba, ngã tư nơi giao thông đi lại thuận tiện (200 m đi các hướng)	Đất khu vực trung tâm cụm dân cư (Trung tâm các bản), các ngã ba, ngã tư nơi giao thông đi lại thuận tiện (200 m đi các hướng)
	Từ đường Quốc lộ 6 đến hết đất của trụ sở UBND xã Chiềng Cọ; Chiềng Đen, (trừ mục 1 và mục 2 nêu trên)	Từ đường Quốc lộ 6 đến hết đất của trụ sở UBND xã Chiềng Cọ; Chiềng Đen, đường đến các bản (trừ mục 1 và mục 2 nêu trên)

STT	Tên cũ theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND	Tên mới điều chỉnh lại
III	Các bản thuộc phường có điều kiện như nông thôn	
	Các đường nhánh thuộc các bản: Lay, Phung, Hẹo, Thăm, Giỏ, Pù, Noong Đúc, Tổ 7, Quỳnh Sơn, Sảng, Pắc Ma, phường Chiềng Sinh	Các đường nhánh thuộc bản: Lay, Phung, Hẹo, Thăm, Giỏ, Pù, Noong Đúc, Tổ 7, Quỳnh Sơn, Sảng, Pắc Ma, Ban, Có, Hay Phiêng, Mạ, Noong La, Cang, Nà Cạn phường Chiềng Sinh
	Các đường nhánh thuộc phường Chiềng An (trừ các bản: Bó, Tổ1, Tổ2, Cọ, Nà Ngựa, Bản Hải)	Các đường nhánh thuộc phường Chiềng An (trừ các bản: Bó, Tổ1, Tổ2, Cọ, Nà Ngựa, Bản Hải, Bó Cón, Cá)
F	HUYỆN YÊN CHÂU	
I	Cụm xã Phiêng Khoài	
II	Trung tâm xã Lóng Phiêng	
2	Đường vào bản Tái định cư Quỳnh Phiêng (từ đường 103 đi 500m)	Đường vào bản Tái định cư Quỳnh Phiêng (từ đường Quốc lộ 6C đi 500m)



**BIỂU SỐ 03: BỔ SUNG GIÁ ĐẤT CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG
THUỘC BẢNG 10 - ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ**

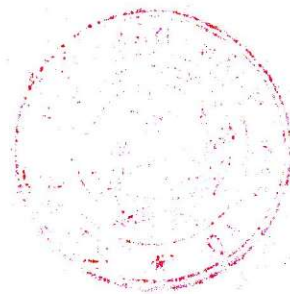
(Kèm theo Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Đường phố	Giá đất bổ sung				
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5
A	THÀNH PHỐ SƠN LA					
IV	Tuyến đường Chiềng Sinh					
4	Đất trong phạm vi Nhà máy gạch Tuynel và Nhà máy Xi măng		2.500	2.000		
V	Các đường nhánh					
30	Đường trong bản Bó Phứa đường bê tông rộng trên 2,5 m	600	300	200		
VI	Đường nhánh trong khu quy hoạch					
1	"Khu đô thị gắn với dự án thoát lũ suối Nậm La (lô 1 + lô 2) chưa có hạ tầng" điều chỉnh thành: "Khu đô thị gắn với dự án thoát lũ suối Nậm La (lô 1 + lô 2)"					
	"Đường quy hoạch 35m" điều chỉnh thành: "Đường quy hoạch 31m trở lên"		5.000	3.000	1.500	900
	Đường quy hoạch 25m		4.800	2.500	1.500	900
	"Đường quy hoạch 20,5m" điều chỉnh thành: "Đường quy hoạch 21m"		4.500	2.000	1.500	900
	Đường quy hoạch 16,5m		4.000	1.500	1.200	800
	"Đường quy hoạch 13m" điều chỉnh thành: "Đường quy hoạch từ 13m đến 15m"		3.800	1.500	1.000	800
	Đường quy hoạch 11m" điều chỉnh thành: "Đường quy hoạch từ 10m đến đến dưới 13m"		3.500	1.200	1.000	700
	Đường quy hoạch 09m		3.000	1.100	1.000	700
	"Đường quy hoạch 07m" điều chỉnh thành: "Đường quy hoạch từ 6m đến 7m"		2.800	1.000	800	700
	Đường quy hoạch 5,5m		2.500	900	800	700
4	Khu tái định cư 1,3 ha dân cư bản Giăng Lắc - Quyết Thắng					
	"Đường quy hoạch 21m" điều chỉnh thành: "Đường quy hoạch từ 16,5 m trở lên"		4.500	2.000	1.500	900
	"Đường quy hoạch 13,5m" điều chỉnh thành: "Đường quy hoạch 13m"		3.800	1.500	1.000	900
	Đường quy hoạch từ 9m đến 10,5m		3.000	1.100	1.000	700
	"Đường quy hoạch 5,5m" điều chỉnh thành: "Đường quy hoạch từ 5,5m đến 7,5m"		2.800	1.000	800	700
9	Khu quy hoạch tổ 3 phường Chiềng Sinh (giáp trạm điện 110KV)					
	Đường quy hoạch 10,7m	2.500				
14	Khu quy hoạch dân cư Sang Luông, tổ 14, phường Quyết Thắng					
	Đường quy hoạch 16,5m	3.500	1.200	600	250	180
	Đường quy hoạch 9,0m	3.000	1.200	600	250	180
	Đường quy hoạch 7,5m		1.200	600	250	180
	Đường quy hoạch 6m		1.200	600	250	180
	Đường quy hoạch dưới 6m	1.800	1.200	600	250	180

STT	Đường phố	Giá đất bổ sung				
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5
21	Khu dân cư trực tiếp Đường Nguyễn Văn Linh (bản Châu, phường Chiềng Cơi)					
	Đường quy hoạch rộng dưới 5,5m	2.500				
23	Khu dân cư tổ 6, Phường Quyết Tâm					
	Đường quy hoạch rộng 5,5m đến dưới 7,5m	4.000				
37	Lô số 4c, Kè suối Nậm La					
	Đường quy hoạch 5m	3.000				
44	Khu quy hoạch Ao Quảng Pa - Tổ 9 Phường Quyết Thắng					
	Đường quy hoạch rộng 16,5 m	2.500				
45	Khu dân cư bản Cọ phường Chiềng An (sau chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam)					
	Đường quy hoạch 13m	3.500	1.200	500	220	
46	Khu đô thị phường Chiềng An (lô số 6,7 dọc suối Nậm La)					
	Đường quy hoạch 25m	11.000	6.000	3.000		
	Đường quy hoạch 20,5m	10.500	5.500	2.800		
	Đường quy hoạch từ 18m đến 18,5m	10.000	5.000	2.500		
	Đường quy hoạch từ 16,5m đến 17,5m	9.500	4.000	2.000		
	Đường quy hoạch 13m	8.000	3.000	1.500		
	Đường quy hoạch từ 10,5m đến 11,5m	7.500	2.000	1.200		
	Đường quy hoạch 7m đến 7,5m	7.000	1.500	1.000		
	Đường quy hoạch 5,5m	6.000	1.000	800		
47	Khu dân cư thương mại suối Nậm La – Lô số 5					
	Đường quy hoạch từ 18m đến 18,5m	12.000	5.500			
	Đường quy hoạch từ 13m đến 13,5m	9.000	4.300			
	Đường quy hoạch 11,5m	8.000	3.500			
48	Khu đô thị số 1 phường Chiềng Sinh					
	Đường quy hoạch 16,5m	4.000	2.000	1.500		
	Đường quy hoạch 13m	3.500	2.000	1.500		
	Đường quy hoạch 11,5m	3.000	2.000	1.500		
49	Lô số 3a, kè suối Nậm La					
	Đường quy hoạch từ 18m đến 18,5m	13.000	6.000			
	Đường quy hoạch 13m	11.000	5.500			
	Đường quy hoạch 10,5m	10.500	5.000			
	Đường quy hoạch 8,0m	8.500	4.200			
50	Khu dân cư tại tổ 5, (khu vực Trạm truyền dẫn sóng phát thanh cũ), phường Chiềng Sinh					
	Đường quy hoạch từ 20,5m đến 21m	4.200	2.000	1.500		
	Đường quy hoạch 16,5m	4.000	2.000	1.500		
	Đường quy hoạch 13m	3.500	2.000	1.500		
	Đường quy hoạch từ 10,5m đến 11,5m	3.000	2.000	1.500		
	Đường quy hoạch 7m	2.500	1.500	1.000		
	Đường quy hoạch 5,5m	2.000	1.500	800		
51	Khu quy hoạch 4a, kè suối Nậm La					
	Đường quy hoạch 18,5 m	13.000	6.000			
	Đường quy hoạch 10,5 m	10.500	5.000			
	Đường quy hoạch 5,5 m	8.000	4.000			

STT	Đường phố	Giá đất bổ sung				
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5
D	HUYỆN MUÔNG LA					
	Đường từ ngã 3 bản Tráng (Đồn công an thủy điện) đi hướng Sơn La, đến cầu cứng	5.000	1.500	600	350	
	Đường từ ngã 3 bản Tráng (Đồn công an thủy điện) đi hướng Chiềng San đến cầu bản Giàng	3.000	900			
E	HUYỆN SÔNG MÃ					
I	Các trục đường chính					
7	Đường Nguyễn Đình Chiểu					
	Đoạn từ kênh thoát nước tổ dân phố 9 đến hết đất nhà bà Hoa	1.000				
16	Đường Nguyễn Du (Đoạn từ UBND thị trấn đến nhà văn hóa tổ dân phố 8,9)	3.000	700	200	110	
II	Các đường khu vực					
20	Từ giáp đất nhà bà Hoa (Công an huyện) đến hết đất M21 Đường cách mạng Tháng tám	1.500	360	230	110	
21	Từ M21 tính từ đường Cách Mạng Tháng Tám (Ông Chính) đến M21 đường Lò Văn Giá (Ông An Hải Hậu)	1.000	360	230	110	
22	Đường rẽ từ UBND thị trấn đến giáp đất bà Vân (Viên)	2.500	360	230	110	
I	HUYỆN BẮC YÊN					
7	Đường vành đai hồ Phiêng Ban 2, hồ 3					
	Từ nhà ông Hôm đến nhà ông Sơn Liên	500	300	120		
	Từ nhà ông Nhung đến ngã 3 nhà ông Hặc đường vành đai hồ 2,3	400	250	90		
K	HUYỆN PHÙ YÊN					
	Xã Huy Bắc					
	Đường trục chính và đường nhánh xung quanh khu đô thị bản Phố, xã Huy Bắc.	1.200	500	120		
	Đường Bê tông từ ngã ba Kim Tân đi hết khu dân cư Kim Tân (Trừ vị trí 1 tiếp giáp QL 37 đã có giá)	600	250	120		
	Đường Bê tông từ trước cổng BCH Quân sự huyện Phù Yên nối vào đường vành đai Huy Bắc (trừ vị trí 1 tiếp giáp tuyến đường đã có giá)	800	250	120		
	Đường Bê tông từ trước cổng BCH Quân sự huyện Phù Yên đi khỏi 5 thị trấn Phù Yên (trừ vị trí 1 tiếp giáp tuyến đường đã có giá)	500	250	120		
	Từ đường rẽ vào Kim Tân đến cổng trào tiếp giáp xã Huy Hạ	1.200	500	120		
	Xã Quang Huy					
	Đường bê tông rộng từ 2,5 m trở lên trong khu dân cư, đường liên bản Mo 1, Mo 2, Mo 3, Mo 4 (trừ vị trí 1 giáp các tuyến đường đã có giá)	300	120	110		
	Thị trấn Phù Yên					
	Trục đường chính và đường nhánh xung quanh khu đô thị 2-9 mở rộng.	2.000	700	240		





**BIỂU SỐ 04: ĐIỀU CHỈNH TÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG
THUỘC BẢNG 10 - ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ**

(Kèm theo Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên cũ theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND	Tên mới điều chỉnh lại
A	THÀNH PHỐ SƠN LA	
I	Các ngã ba, ngã tư	
1	Ngã tư Cầu Trắng	
	Từ trung tâm đi: Hướng đi đường Chu Văn Thỉnh đến hết Ngân hàng Nông nghiệp; Hướng đi đường Nguyễn Lương Bằng đến ngõ số 4 (<i>hết nhà số 46 đường Nguyễn Lương Bằng</i>); Hướng đi đường Điện Biên đến Cầu Trắng; Hướng đi đường Trường Chinh đến hết nhà số 47 đường Trường Chinh (<i>ngõ rẽ vào quán hát Loan Trự</i>).	Từ trung tâm đi: Hướng đi đường Chu Văn Thỉnh đến hết Ngân hàng Nông nghiệp; Hướng đi đường Nguyễn Lương Bằng đến ngõ số 4 (<i>hết nhà số 46 đường Nguyễn Lương Bằng</i>); Hướng đi đường Điện Biên đến Cầu Trắng; Hướng đi đường Trường Chinh đến hết nhà số 47 đường Trường Chinh (<i>ngõ rẽ số 3</i>)
4	Ngã ba Quyết Thắng	Ngã tư Quyết Thắng
6	Ngã tư đường Tô Hiệu giao với đường cách mạng tháng 8 (<i>ngã tư Công an phòng cháy chữa cháy</i>)	
	Từ trung tâm đi: Hướng đi phố Xuân Thủy đến phố đồi Khau cạ; (<i>phố Xuân Thủy</i>), Hướng đi ngã tư Công an thành phố đến ngõ số 05 Tô Hiệu (<i>giáp Rạp hát Suối Reo</i>); Hướng đi ngã tư Tô Hiệu đến hết Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La; Hướng đi đường Cách mạng tháng 8 đến Ngõ vào Chiều Vàng II (<i>đến hết số nhà 57 Cách mạng tháng 8</i>).	Từ trung tâm đi: Hướng đi ngã tư Công an thành phố đến ngõ số 05 Tô Hiệu (<i>giáp Rạp hát Suối Reo</i>); Hướng đi ngã tư Tô Hiệu đến hết Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La; Hướng đi đường Cách mạng tháng 8 đến Ngõ vào Chiều Vàng II (<i>đến hết số nhà 57 Cách mạng tháng 8</i>).
III	Các tuyến đường (<i>trừ các điểm ghi tại Mục I, II</i>)	
4	Đường Trường Chinh	
	Từ ngã tư Cầu Trắng đến phố Giảng Lắc	Từ ngã tư Cầu Trắng đến đầu Đường Hoàng Quốc Việt
	Từ phố Giảng Lắc đến ngã ba Quyết Thắng	Từ đầu Đường Hoàng Quốc Việt đến ngã tư Quyết Thắng
5	Đường Trần Đăng Ninh	
	Từ ngã ba Quyết Thắng đến hết trụ sở UBND phường Quyết Tâm	Từ ngã tư Quyết Thắng (<i>ba Quyết Thắng cũ</i>) đến hết đường Trần Đăng Ninh (<i>đến ngã ba đường vào Trường Đại học Tây Bắc</i>) trừ các điểm đã ghi ở phần II mục 7 Quyết định 19/2017/UBND ngày 03/7/2017

STT	Tên cũ theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND	Tên mới điều chỉnh lại
7	Đường Nguyễn Lương Bằng	
	Từ ngã tư đường Nguyễn Lương Bằng giao với đường 3/2 (ngã tư chợ 7/11) đến ngã ba Quyết Thắng	Từ ngã tư đường Nguyễn Lương Bằng giao với đường 3/2 (ngã tư chợ 7/11) đến ngã tư Quyết Thắng
9	Phố Giảng Lắc	
	Đường ngang từ đường Trường Chinh sang đường Nguyễn Lương Bằng (đến hết UBND phường Quyết Thắng)	Đường ngang từ đường Trường Chinh sang đường Nguyễn Lương Bằng (đến hết UBND phường Quyết Thắng cũ)
10	Đường Điện Biên	
	Từ hết đất tru sở Đồi thuế phường Tô Hiệu đến hết quán Dimah 185	Từ hết đất tru sở Đồi thuế phường Tô Hiệu đến hết số nhà 185 (quán Dimah 185)
	Từ hết quán Dimah 185 đến hết ngã ba Khí tượng (ngã ba Két nước)	Từ hết số nhà 185 (quán Dimah 185) đến hết ngã ba Khí tượng (ngã ba Két nước)
	Từ ngã ba Két nước (Khí tượng) đến hết số nhà ông Trường (giáp vườn hoa Tổ 10, phường Chiềng Lề)	Từ ngã ba Két nước (Khí tượng) đến hết số nhà 158 (giáp vườn hoa Tổ 10, phường Chiềng Lề)
	Từ giáp nhà Ông Trường đến biển báo hiệu hết địa phận thành phố (giáp ranh Thuận Châu)	Từ giáp số nhà 158 đến biển báo hiệu hết địa phận thành phố (giáp ranh Thuận Châu)
14	Phố Hai Bà Trưng	
	Đường từ Phố Giảng Lắc sang đường 3/2 (sau sân vận động)	Đường từ Phố Giảng Lắc sang đường 3/2
15	Đường Lê Đức Thọ	
	Từ ngã ba Sở Điện lực tỉnh đến hết C.ty Dầu tầm tơ	Từ ngã ba Sở Điện lực tỉnh đến hết UBND Phường Quyết Thắng
	Từ hết Công ty Dầu tầm tơ đến hết dốc đá Huổi Hin	Từ hết UBND Phường Quyết Thắng đến hết dốc đá Huổi Hin
18	Phố Xuân Thủy	
	Đường xung quanh Nhà thi đấu 26/8 và đến hết sân vận động thành phố.	Đường xung quanh chợ Rạng Téch vào đến hết sân vận động thành phố.
19	Đường Hoàng Văn Thụ	
	Từ trung tâm ngã ba đường rẽ vào Trường Chính trị tỉnh Sơn La (chợ cấp 2) đến ngã ba Trường Mầm non Bế Văn Đàn	Từ trung tâm ngã ba đường rẽ vào Trường Chính trị tỉnh Sơn La (Trung tâm tổ chức sự kiện) đến ngã ba Trường Mầm non Bế Văn Đàn
20	Phố Lê Lợi	
	Từ đường Chu Văn Thịnh (qua siêu thị Hapro mart) đến hết Hội Chữ thập đỏ tỉnh Sơn La (cũ)	Từ đường Chu Văn Thịnh (qua siêu thị Hapro mart) đến hết nhà Văn hóa tổ 15 - Phường Quyết Thắng
21	Đường Nguyễn Trãi	
	Đường từ cây xăng Tỉnh đội đến cổng Công ty chế biến lương thực (cũ)	Đường từ cây xăng Tỉnh đội đến số nhà 79 - đường Nguyễn Trãi (doanh nghiệp Tùng Lộc)

STT	Tên cũ theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND	Tên mới điều chỉnh lại
	Đường từ cổng Công ty chế biến lương thực (cũ) đến hết trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi	Đường số nhà 79 - đường Nguyễn Trãi (doanh nghiệp Tùng Lộc) đến hết trường Tiểu học Quyết Thắng
	Từ hết trường THCS Nguyễn Trãi đến bãi đá bản Cọ - Chiềng An	Từ hết trường Tiểu học Quyết Thắng đến bãi đá bản Cọ - Chiềng An
25	Đường Lê Trọng Tấn	
	Ngã ba Lê Duẩn (Quốc lộ 6) đến chân dốc Noong Đức (đến hết đất nhà 202 ông Tỉnh Vân)	Ngã ba Lê Duẩn (Quốc lộ 6) đến chân dốc Noong Đức (đến hết khu quy hoạch dân cư TĐC)
27	Đường Nguyễn Du	
	Từ ngã ba Dâu tằm tơ đến hết Công ty cổ phần in và bao bì Sơn La	Từ ngã ba Lê Đức Thọ tổ 11 đến hết Công ty cổ phần in và bao bì Sơn La
30	Phố Trần Hưng Đạo + Phố Lý Tự Trọng	
	Đường nhánh quy hoạch khu dân cư Tỉnh đội (tổ 6, tổ 15 phường Quyết Thắng)	Phố Trần Hưng Đạo + Phố Lý Tự Trọng
34	Đường Lê Thanh Nghị	
	Từ ngã 3 đường Biện Biên (Quốc lộ 6) vào đến hết Trường mầm non Tô Hiệu	Từ hết Trường mầm non Tô Hiệu đến đường Điện Biên số nhà 175 - Đường Điện Biên (quán Thế kỷ mới)
35	Đường Ngô Gia Khảm	
	Từ cổng bản cá đường rẽ vào bản Cá đến hết đất trụ sở Doanh nghiệp Phương Thao (đường tỉnh lộ 106)	Từ cổng bản cá đường rẽ vào bản Cá đến hết đất số nhà 70 - trụ sở Doanh nghiệp Phương Thao (đường Quốc lộ 279D)
	Từ hết đất trụ sở Doanh nghiệp Phương Thao đến hết cầu bản Panh (đường tỉnh lộ 106)	Từ hết đất số nhà 70 - trụ sở Doanh nghiệp Phương Thao (đường Quốc lộ 279D) đến hết cầu bản Panh (đường Quốc lộ 279D)
	Từ hết cầu bản Panh đến chân dốc Cao Pha (đường tỉnh lộ 106)	Từ hết cầu bản Panh đến chân dốc Cao Pha (đường Quốc lộ 279D)
IV	Tuyến đường Chiềng Sinh	
	Đường Lê Quý Đôn (đường 4G) (từ đường Lê Duẩn - Quốc lộ 6 mới đến đường Hùng Vương trừ 250m - Quốc lộ 6 cũ)	Từ đường Lê Duẩn (Quốc lộ 6 mới) đến đường Hùng Vương trừ 250 m (Quốc lộ 6 cũ)
V	Các đường nhánh	
11	Các đường nhánh từ ngã ba tổ 10 phường Chiềng Lề đến hết tuyến đường	Ngõ 4 tổ 10: Từ đầu tuyến đến ngã tư (số nhà 29 - sau nhà văn hóa tổ 10)
VI	Đường nhánh trong khu quy hoạch	
1	Khu đô thị gắn với dự án thoát lũ suối Nậm La (lô 1 + lô 2) chưa có hạ tầng	Khu đô thị gắn với dự án thoát lũ suối Nậm La (lô 1 + lô 2)
	Đường quy hoạch 35 m	Đường quy hoạch 31 m trở lên
	Đường quy hoạch 20,5 m	Đường quy hoạch 21 m
	Đường quy hoạch 13 m	Đường quy hoạch từ 13 m đến 15 m
	Đường quy hoạch 11 m	Đường quy hoạch từ 10 m đến dưới 13 m

STT	Tên cũ theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND	Tên mới điều chỉnh lại
	Đường quy hoạch 7 m	Đường quy hoạch từ 6 m đến 7 m
	Khu quy hoạch công viên 26-10 chưa có hạ tầng	Khu quy hoạch công viên 26-10
	Đường quy hoạch 21 m	Đường quy hoạch 17 m trở lên
3	Khu dân cư tổ 8 phường Tô Hiệu	
	Đường quy hoạch 13 m	Đường quy hoạch từ 11,5 m trở lên
4	Khu tái định cư 1,3 ha dân cư bản Giảng Lắc - Quyết Thắng	
	Đường quy hoạch 21 m	Đường quy hoạch từ 16,5 m trở lên
	Đường quy hoạch 13,5 m	Đường quy hoạch 13 m
	Đường quy hoạch 5,5 m	Đường quy hoạch 5,5 m - 7,5 m
7	Khu dân cư Tổ 8, phường Chiềng Sinh (khu quy hoạch tái định cư Noong Đức cũ)	
	Đường quy hoạch 16,5m	Đường quy hoạch từ 15,5m đến 16,5m
9	Khu quy hoạch tổ 3 phường Chiềng Sinh (giáp trạm điện 110KV)	
	Đường quy hoạch 14,5 m	Đường quy hoạch 12 m trở lên
	Đường quy hoạch 7,5 m	Đường quy hoạch từ 7,5 m trở xuống
10	Khu dân cư cạnh Trụ sở Chiềng An	Khu dân cư bản Bó Phường Chiềng An (cạnh Trụ sở Chiềng An)
13	Khu quy hoạch dân cư bản Buồn, phường Chiềng Còi (Doanh nghiệp Trường Sơn)	
	Đường quy hoạch 36 m	Đường quy hoạch 25 m
	Đường quy hoạch 11,5m	Đường quy hoạch 10,5m
15	Khu quy hoạch dân cư tổ 3 phường Chiềng Lè	
	Đường quy hoạch 7,5m	Đường quy hoạch từ 5m đến 7,5 m
16	Khu quy hoạch dân cư tổ 12 phường Chiềng Lè (khu quy hoạch Lam Sơn)	
	Đường quy hoạch 13,5m	Đường quy hoạch 12 m đến dưới 13,5m
	Đường quy hoạch 11 m	Đường quy hoạch 10 m đến dưới 12 m
17	Khu dân cư bản Hẹo Phung, phường Chiềng Sinh	
	Đường quy hoạch 30m	Đường quy hoạch 30m trở lên
	Đường quy hoạch 20,5 m	Đường quy hoạch 12 m đến 13,5 m
	Đường quy hoạch 7,5 m	Đường quy hoạch từ 7,5 m trở xuống
21	Khu dân cư trục đường Nguyễn Văn Linh (bản Chậu, phường Chiềng Còi)	
	Đường quy hoạch rộng 16,5m	Đường quy hoạch rộng trên 16,5m
22	Khu dân cư tổ 13, Phường Quyết Thắng (Dâu tằm tơ)	Khu dân cư tổ 13, Phường Quyết Thắng (UBND Phường Quyết Thắng)
	Đường quy hoạch rộng 11m	Đường quy hoạch rộng 11,5m
	Đường quy hoạch rộng 9,5m	Đường quy hoạch rộng 9,0m
23	Khu dân cư tổ 6, Phường Quyết Tâm	
	Đường quy hoạch rộng 7,5m	Đường quy hoạch rộng từ 7,5m trở lên

STT	Tên cũ theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND	Tên mới điều chỉnh lại
26	Khu dân cư bản Cọ phường Chiềng An (<i>đối diện với Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên môi trường đô thị Sơn La</i>)	
	Đường quy hoạch 10,5m	Đường quy hoạch từ 10,5m trở lên
30	Khu quy hoạch dân cư tổ 8, phường Tô Hiệu	Khu quy hoạch dân cư tổ 8, phường Tô Hiệu (<i>trường Tiểu học Tô Hiệu cũ</i>)
	Đường quy hoạch 7m	Đường quy hoạch từ 7,0 m đến 7,5m
32	Khu quy hoạch dân cư ngã tư Cơ Khí, phường Chiềng Sinh	Khu dân cư và dịch vụ ngã tư Cơ Khí, phường Chiềng Sinh
	Đường quy hoạch 13 m	Đường quy hoạch từ 13,5 m trở xuống
33	Các đường nhánh khu dân cư phố Trần Hưng Đạo và phố Lý Tự Trọng	
	Đường nhánh rộng 5,5 m.	Đường nhánh rộng 5,5 m trở lên
34	Khu quy hoạch dân cư ngã tư Cơ Khí, phường Chiềng Sinh	Khu dân cư và dịch vụ ngã tư Cơ Khí, phường Chiềng Sinh
35	Các đường nhánh khu dân cư phố Trần Hưng Đạo và phố Lý Tự Trọng	
	Đường nhánh rộng 5,5 m.	Đường nhánh rộng từ 5,5 m trở lên
36	Lô số 6b, Kè suối Nậm La	
	Đường quy hoạch 27m	Đường quy hoạch 25m trở lên
41	Khu quy hoạch tái định cư số 2 (Tổ 7, phường Tô Hiệu)	
	Đường quy hoạch rộng 11,5 m	Đường quy hoạch rộng từ 11,5 m trở lên

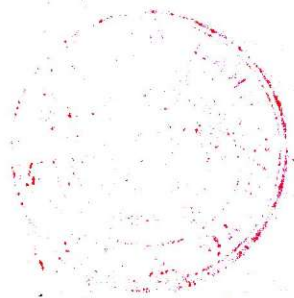


**BIỂU SỐ 05: BỔ SUNG GIÁ ĐẤT Ở CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG
THUỘC PHỤ BIỂU 10a - ĐẤT Ở TẠI CÁC KHU ĐÔ THỊ MỚI**

(Kèm theo Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Đường phố	Giá đất bổ sung				
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4	VT 5
C	Khu đô thị mới ngã ba xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn					
1	Đường quy hoạch nội bộ dự án mặt đường rộng 30m		1.000	400	300	100
2	Đường quy hoạch nội bộ dự án mặt đường rộng 20,5m		1.000	400	300	100
3	Đường quy hoạch nội bộ dự án mặt đường rộng 16,5m					
	Lô 1B (đường rộng 16,5m)		1.000	400	300	100
	Lô 2A, Lô 3A, Lô 1C (đường rộng 16,5m)		900	400	300	100





**BẢNG 13: BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP
GỒM ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP**

(Kèm theo Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên khu công nghiệp, cụm Công nghiệp	Giá đất
1	Cụm Công nghiệp Gia Phù	210
2	Cụm Công nghiệp Mộc Châu	490
3	Khu Công nghiệp Mai Sơn	210

Giá đất trên áp dụng chung cho tất cả các vị trí trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

